

Bản án số: 03/2021/DS-ST
Ngày 23 tháng 7 năm 2021
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÙ, TỈNH HƯNG YÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Dũng và ông Tô Sỹ Thái.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng-Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh H. tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Đức Hiếu-Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H. xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2020/TLST-DS ngày 17/11/2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-DS ngày 10/6/2021, Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 01/TB-TA ngày 30/6/2021, Thông báo thay đổi thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 05/7/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: Số 266-268 N, phường 3, quận 8, thành phố H.

Địa chỉ liên hệ: Ngân hàng Thương mại cổ phần S-Chi nhánh H.

Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn L, phường B, thị xã M, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D-Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn H-Chức vụ Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S-Chi nhánh H. (Văn bản ủy quyền số 3949/2019/GUQ-PL ngày 16/12/2019).

Người được ủy quyền lại: Ông Đinh Văn V, sinh năm 1993-Chức vụ Phó trưởng phòng giao dịch P- Ngân hàng Thương mại cổ phần S-Chi nhánh H-Có mặt.

Nơi cư trú: thôn N, xã M, huyện K, tỉnh H.

Địa chỉ: Số 279 Đ, phường Q, thành phố HY, tỉnh H.

(Văn bản ủy quyền số 16/2021/GUQ-CNHY ngày 19/6/2021 của Giám đốc-Ngân hàng Thương mại cổ phần S-Chi nhánh H).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1977-Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn K, xã ĐĐ, huyện P, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình điều tra nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/01/2019, Ngân hàng Thương mại cổ phần S-Chi nhánh H (sau đây viết tắt là ngân hàng) đã ký với ông V hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1900800110, theo hợp đồng thì ông V vay số tiền là 70.000.000 đồng, mục đích vay vốn là vay tiêu dùng, thời hạn vay 36 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 08/01/2022, lãi suất 03 tháng đầu là 18,5%/năm, từ tháng thứ 4 lãi suất theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 13 tháng cộng biên độ cố định 11%/năm, định kỳ điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Ngoài ra, Hợp đồng tín dụng còn có những quy định khác về các loại lãi suất điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, lãi suất quá hạn, tiền phạt, quyền và nghĩa vụ của các bên, hiệu lực của hợp đồng. Ngân hàng đã tiến hành giải ngân đầy đủ số tiền 70.000.000 đồng cho ông V cùng ngày 08/01/2019, thể hiện tại Giấy lĩnh tiền ngày 08/01/2019. Sau khi giải ngân và đến các kỳ hạn trả nợ gốc và lãi, bên vay đã thực hiện đúng cam kết trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng đến ngày 28/11/2019, ông V đã trả được 21.407.720 đồng tiền nợ gốc và lãi từ ngày 08/01/2019 đến 28/11/2019 là 9.990.968 đồng. Từ kỳ trả nợ ngày 28/12/2019, bên vay không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng, vi phạm nghiêm trọng các cam kết tại hợp đồng tín dụng.

Cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/7/2021), theo tính toán của ngân hàng thì ông V còn nợ số tiền nợ gốc là 48.592.280 đồng và số lãi trong hạn là 9.186.715 đồng, lãi quá hạn là 8.454.418 đồng, tiền phạt lãi chậm trả của số tiền lãi trong hạn là 900.232 đồng. Tổng số nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn ông V còn nợ tạm tính đến ngày 23/7/2021 là: 67.133.645 đồng.

Vì vậy ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông V phải trả cho ngân hàng tổng số nợ gốc, lãi, tiền chậm trả lãi trong hạn tạm tính đến ngày 23/7/2021 là: 67.133.645 đồng. Kể từ ngày xét xử sơ thẩm nếu ông V không trả được số tiền nợ gốc thì ông V còn phải chịu lãi suất quá hạn theo mức lãi suất như hợp đồng đối với số nợ gốc chưa trả cho đến khi trả xong.

Ngoài ra ngân hàng không còn yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, các Thông báo hoãn phiên tòa, thay đổi thời gian địa điểm mở lại phiên tòa hợp lệ cho ông V thông qua người thân trong gia đình, chính quyền địa phương và niêm yết tại nơi cư trú của ông V nhưng ông V cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Bà Lê Thị N, sinh năm 1980, là vợ ông V trình bày: Ông V đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án khi ngân hàng khởi kiện, tuy nhiên sau đó ông V đã đi làm ăn từ tháng 12/2020, chỉ thỉnh thoảng điện thoại về gia đình. Bà N đã nhận được Giấy triệu tập ông V của Tòa án, bà N đã thông báo cho ông V nhưng ông V không về và có quan điểm cứ căn cứ theo hợp đồng vay nợ với ngân hàng để giải quyết vắng mặt ông V.

Ủy ban nhân dân xã và công an xã ĐĐ, huyện P, tỉnh H.cung cấp: Ông V có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã ĐĐ, huyện P, tỉnh H, vợ ông V là bà Lê Thị N và các con vẫn sinh sống tại địa phương. Hiện tại ông V không có mặt tại địa phương, địa phương cũng không biết ông V đang ở đâu.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tòa án đã nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo hoãn phiên tòa, Thông báo thay đổi thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa hợp lệ cho bị đơn thông qua người thân trong gia đình, chính quyền địa phương và niêm yết tại nơi cư trú của bị đơn nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng các quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử:

Xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

Áp dụng Điều 274, 275, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3; 6; khoản 2 Điều 26; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Buộc ông Nguyễn Văn V phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S toàn bộ số tiền nợ gốc là 48.592.280 đồng và số lãi trong hạn, lãi quá hạn và tiền chậm trả lãi trong hạn như ngân hàng yêu cầu tạm tính đến ngày 23/7/2021 là 67.133.645 đồng.

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm nếu ông V không trả được số tiền nợ gốc thì ông V còn phải chịu lãi suất quá hạn theo mức lãi suất như hợp đồng đối với số nợ gốc chưa trả cho đến khi trả xong.

Các vấn đề khác không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ngày 08/01/2019, Ngân hàng Thương mại cổ phần S-Chi nhánh H đã ký với ông V hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1900800110, theo hợp đồng ông V vay ngân hàng số tiền là 70.000.000 đồng, mục đích vay là vay tiêu dùng, thời hạn vay 36 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 08/01/2022, lãi suất 03 tháng đầu là 18,5%/năm, từ tháng thứ 4 lãi suất theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 13 tháng cộng biên độ cố định 11%/năm, định kỳ điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Ngoài ra, hợp đồng tín dụng còn có những quy định khác về các loại lãi suất điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, lãi suất quá hạn, tiền phạt, quyền và nghĩa vụ của các bên, hiệu lực của hợp đồng.

Ông V đã nhận đủ số tiền vay là 70.000.000 đồng vào ngày 08/01/2019, thể hiện tại Giấy lĩnh tiền ngày 08/01/2019. Sau khi vay, ông V đã thực hiện trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng đến ngày 28/11/2019 là 21.407.720 đồng tiền nợ gốc và lãi từ ngày 08/01/2019 đến 28/11/2019 là 9.990.968 đồng.

Từ kỳ trả nợ ngày 28/12/2019, bên vay không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng, vi phạm nghiêm trọng các cam kết tại hợp đồng tín dụng. Cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/7/2021), theo tính toán của ngân hàng thì ông V còn nợ số tiền nợ gốc là 48.592.280 đồng và số lãi trong hạn là 9.186.715 đồng, lãi quá hạn là 8.454.418 đồng, tiền phạt lãi chậm trả của số tiền lãi trong hạn là 900.232 đồng. Tổng số nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn ông V còn nợ tạm tính đến ngày 23/7/2021 là: 67.133.645 đồng. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông V phải trả cho ngân hàng tổng số nợ gốc, lãi, tiền chậm trả lãi trong hạn tạm tính đến ngày 23/7/2021 là: 67.133.645 đồng đồng thời yêu cầu kể từ ngày xét xử sơ thẩm nếu ông V không trả được số tiền nợ gốc thì ông V còn phải chịu lãi suất quá hạn theo mức lãi suất như hợp đồng đối với số nợ gốc chưa trả cho đến khi trả xong.

Ông V vắng mặt nhưng có quan điểm đề nghị giải quyết theo hợp đồng vay.

Ngoài ra nguyên đơn, bị đơn không có yêu cầu nào khác.

[2]. Xét hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng với ông V, Hội đồng xét xử nhận định: Đây là hợp đồng vay tài sản là tiền giữa tổ chức tín dụng với ông V

nên xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng, bên vay sử dụng vào mục đích vay tiêu dùng. Do vậy, quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng. Hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng, ông V đã ký hợp đồng, nhận tiền, hai bên không có tranh chấp gì, nên hợp đồng có hiệu lực.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, Hội đồng xét xử nhận định:

Từ các chứng cứ đã thu thập được có đủ căn cứ xác định: Ngày 08/01/2019, ông V đã vay Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền là 70.000.000 đồng. Tính đến ngày 28/11/2019, ông V đã trả được 21.407.720 đồng tiền nợ gốc và lãi từ ngày 08/01/2019 đến 28/11/2019 là 9.990.968 đồng. Từ kỳ trả nợ ngày 28/12/2019, bên vay không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng. Cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/7/2021), ông V còn nợ số tiền nợ gốc là 48.592.280 đồng và số lãi trong hạn là 9.186.715 đồng, lãi quá hạn là 8.454.418 đồng, tiền phạt lãi chậm trả của số tiền lãi trong hạn là 900.232 đồng. Tổng số nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn ông V còn nợ tạm tính đến ngày 23/7/2021 là: 67.133.645 đồng. Bị đơn đã biết ngân hàng khởi kiện và có quan điểm đề nghị giải quyết theo hợp đồng vay. Mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng và không tranh chấp gì nên cần chấp nhận mức lãi theo thỏa thuận của các bên.

Vì vậy căn cứ theo quy định tại các Điều 274, 275, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử nhận định cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc là 48.592.280 đồng và số lãi trong hạn là 9.186.715 đồng, lãi quá hạn là 8.454.418 đồng, tiền phạt lãi chậm trả của số tiền lãi trong hạn là 900.232 đồng, tổng số nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn ông V còn nợ tạm tính đến ngày 23/7/2021 là: 67.133.645 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Các yêu cầu khác trong đơn khởi kiện, tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xem xét, xét thấy đây là quyền tự định đoạt của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xét.

[6]. Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 274, 275, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 3; 6; khoản 2 Điều 26; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Buộc ông Nguyễn Văn V phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S toàn bộ số tiền gồm: Toàn bộ số tiền nợ gốc là 48.592.280 đồng.

Tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, tiền phạt chậm trả lãi trong hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/7/2021) là 18.541.365 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, tiền phạt chậm trả lãi trong hạn tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/7/2021) ông Nguyễn Văn V phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S là: 67.133.645 đồng (Sáu mươi bảy triệu một trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn V phải chịu 3.356.682 đồng tiền án phí sơ thẩm dân sự.

Hoàn trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 1.387.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003807 ngày 17/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H.

Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
- Các đương sự;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Tuấn